

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 28 tháng 8 năm 2019

*“Vụ án ly hôn giữa chị Lê Thị Nhung
và anh Nguyễn Hoàng Long”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Cao Văn Thắng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đỗ Thị Thục**

2. Ông **Nguyễn Văn Hiệp**

Thư ký phiên toà: Bà **Đặng Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hiền** – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1987

ĐKKHKT: Số 104 Tổ 12 P, quận H, Thành phố H

Hiện ở tại: Số 48 Ngõ 323 đường X, phường X, quận B, Thành phố H

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1978

ĐKKHKT: Số 186-C8 Tập thể N, phường C, quận H, Thành phố H

Hiện ở tại: Số 51 Ngõ 823 đường H, phường C, quận H, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/9/2018, bản tự khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Hoàng L chung sống với nhau từ năm 2011, đăng ký kết hôn ngày 17/4/2014 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường C, quận H, Thành phố H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ chồng. Đến năm 2015, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Hoàng L cờ bạc dẫn đến nợ nần. Vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị N đã bị nhà chồng đuổi ra khỏi nhà vào lúc 23 giờ đêm. Một thời gian sau chị cho anh L cơ hội làm lành nên đã quay về sống chung nhưng đến năm 2017, sau khi chị sinh con thì lại có người đến đòi nợ. Sinh con chưa được 1 tháng chị đã phải đi làm để kiếm tiền trả nợ cho anh L. Anh L không chịu làm ăn, chỉ thích cờ bạc, không đóng góp gì về kinh tế cho gia đình. Tháng 8 năm 2017, chị đã ra ngoài sống do vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị có về nhà gặp con thì mẹ chồng không cho chị gặp, còn đánh đuổi làm chị bị thương. Chị đã làm đơn trình báo công an phường C, quận H. Chị có thuê cửa hàng làm móng tại số 48 ngõ 323 X, quận B, H để kiếm thêm thu nhập. Tháng 10 năm 2018, anh L đến cửa hàng của chị và

đập phá đồ đạc, có bác chủ nhà và hàng xóm chứng kiến. Anh L còn dọa sẽ giết chị và gửi tin nhắn chửi bới chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/9/2017. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Từ tháng 9 năm 2018, đến nay chị chưa được gặp con, chị có gửi quần áo và sữa cho cháu, anh L đã nhận. Ngày 05/6/2018 chị có gửi thuốc và sữa, quần áo cho con, anh L nhận và có yêu cầu chị đóng góp tiền nuôi con hàng tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/tháng thì cuối tuần anh L mới cho chị gặp cháu, chị không đồng ý. Hiện chị có cửa hàng làm móng, thu nhập khoảng 9.000.000 – 10.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định đảm bảo có thể nuôi dạy con tốt hơn anh L. Anh L không có nghề nghiệp ổn định, cờ bạc, rượu chè và có lúc còn dùng chất kích thích, không đủ khả năng nuôi dạy con. Ông bà nội cháu thì ốm đau, không còn đủ sức khỏe để nuôi cháu ăn học.

Về tài sản chung, nhà đất ở: Anh chị không có tài sản, nhà đất ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ chung của ai và cũng không cho ai vay nợ.

** Tại bản tự khai, đơn trình bày ngày 06/6/2019, biên bản lấy lời khai ngày 17/6/2019 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Hoàng L trình bày: Xác nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng. Tháng 9 năm 2018, chị N bỏ nhà ra đi khi con còn chưa cai sữa mẹ. Chị N cũng không quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc con. Kể từ khi chị N bỏ nhà đi, chị N không hề đóng góp tiền nuôi con chung, không thăm nom cháu. Chị N thường xuyên hỗn láo với gia đình nhà chồng. Về tư cách người mẹ, chị N không đủ tư cách làm mẹ, không có người mẹ nào nhẫn tâm bỏ con hàng năm nay. Anh nghe nói chị N và mấy người thuê căn nhà ở X để ở tạm, bản thân không nghề nghiệp, không nhà ở lấy gì đảm bảo cho con được chăm sóc. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.*

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/9/2017. Hiện cháu K đang ở cùng anh. Do chị N không có chỗ ở ổn định nên trong trường hợp ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất ở: Anh chị không có tài sản, nhà đất ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh chị không vay nợ chung ai và cũng không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L ly hôn để ổn định cuộc sống vì chị không còn tình cảm với anh L; đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và giữ nguyên quan điểm về các vấn đề khác.

Bị đơn anh L trình bày xác nhận có việc dùng vũ lực với chị N, nếu chị N kiên quyết xin ly hôn anh L cũng đồng ý. Nếu ly hôn anh L đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không đồng ý để chị N trực tiếp nuôi con. Về tài sản, nhà, đất ở chung, công nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Cụ thể: Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; Thực hiện đúng các thủ tục tố tụng; Việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử; thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về điều khiển phiên tòa; Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quy định, các quyền trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tình cảm: Xét thấy, chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hoàng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/4/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và qua xác minh, xét thấy quá trình chung sống, việc vợ chồng anh L, chị N có mâu thuẫn là có thật. Anh L cũng thừa nhận đã có hành vi dùng vũ lực với chị N. Thực tế cả hai đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị N kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm với anh L, anh L cũng đồng ý ly hôn.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Xét anh L đã có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, chị N đã không còn tình cảm với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống riêng, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị N với anh L.

- *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 09/9/2017. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L đóng góp nuôi con.

Theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình có quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”*

Mặt khác, theo quy định của pháp luật, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự

phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của con chưa thành niên.

Xét thấy, tính đến khi vụ án được đưa ra xét xử cháu Nguyễn Đăng K còn chưa đủ 24 tháng tuổi rất cần sự quan tâm chăm sóc tình cảm trực tiếp của người mẹ. Chị N hiện có công việc, thu nhập ổn định, có nơi cư trú cụ thể. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để giao cháu Nguyễn Đăng K cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác như đề nghị của nguyên đơn và ý kiến của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng L phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung*: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung, không có tranh chấp, khiếu kiện gì nên Toà không xem xét.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị **Lê Thị N** đối với anh **Nguyễn Hoàng L**.

2. Chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng L.

3. Về con chung: Có 01 con chung là **Nguyễn Đăng K**, sinh ngày 09/9/2017. Giao cháu Nguyễn Đăng K cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Hoàng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Hoàng L kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi có sự thay đổi khác.

5. Về tài sản chung; nhà, đất ở; công nợ chung: Không có nên Toà án không xem xét giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002848 ngày 18/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Nơi nhận:***
- *VKSND quận Hoàn Kiếm;*
 - *Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm;*
 - *Các đương sự;*
 - *Lưu HSVA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Văn Thắng